

Số: QĐ-UBND

Dị Sử, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG DỊ SỬ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND thị xã Mỹ Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết kỳ họp thứ bảy- HĐND phường khóa XXII về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của cán bộ công chức tài chính – kế toán phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các ngành thuộc phường quản lý (Theo phụ lục đính kèm).

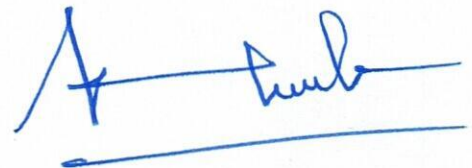
Điều 2: Căn cứ dự toán ngân sách uỷ ban nhân dân phường giao trưởng các ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3: Các ông (bà) văn phòng UBND phường Cán bộ tài chính kế toán phường và các ban ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thị xã
- KBNN thị xã
- Đảng uỷ phường
- TT HĐND phường
- Như điều 3
- Lưu VP



Phạm Thái Hưng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

Kèm theo QĐ số...../QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND phường Dị Sử
Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NS phường
A	B	1	2
	TỔNG THU		17.809.000.000
I	Các khoản thu 100%		2.084.352.000
1	Phí, lệ phí		165.148.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		350.000.000
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		753.204.000
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang		
5	Thu khác		816.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		12.429.098.000
1	Thu tiền thuê MĐMN		2.850.000.000
2	Thu lệ phí trước bạ		611.400.000
3	Thu tiền sử dụng đất		7.800.000.000
	Thu xử lý đất dôi dư, xen kẹt		800.000.000
	Đất ở được giao không đúng thẩm quyền		350.000.000
	Thu tiền đất		6.650.000.000
4	Thu thuế GTGT+ TNDN		604.698.000
5	Thuế thu nhập cá nhân		563.000.000
	Thuế thu nhập chuyển nhượng BĐS		228.000.000
	Thu từ hoạt động SXKD		335.000.000
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt		-
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.295.550.000
	- Thu bổ sung cân đối		3.295.550.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của UBND phường Dị Sử)

Đơn vị tính: đồng.

Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán
Tổng cộng				7.969.350.000
I. Chi thường xuyên				7.473.050.000
810	010	011	Chi dân quân tự vệ	344.601.000
809	040	041	Chi an ninh trật tự	259.224.000
823	130	132	Chi sự nghiệp y tế	122.576.000
860	160	161	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	83.769.000
860	370	374	Chi sự nghiệp xã hội	242.700.000
805	260	261	Chi sự nghiệp môi trường	60.000.000
802	340	341	Chi công tác HĐND	341.140.000
805	340	341	Ủy ban nhân dân phường	3.587.810.000
819	340	351	Chi công tác Đảng	923.419.000
811	340	361	Đoàn thanh niên phường	227.482.000
812	340	361	Hội phụ nữ phường	237.457.000
813	340	361	Hội nông dân phường	199.420.000
814	340	341	Hội cựu chiến binh phường	153.336.000
820	340	341	Mặt trận tổ quốc	516.260.000
825	340	362	Hội người cao tuổi	81.000.000
824	340	362	Chữ thập đỏ	72.856.000
Chi khen thưởng				20.000.000
II. Tiết kiệm chi 10% cải cách lương				159.000.000
III. Dự phòng				337.300.000

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số: /QĐ- UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của UBND phường Dị Sử)

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2023		Giá trị khối lượng hoàn thành	Số vốn đã thanh toán				Dự kiến phân bổ vốn năm 2024		Tỷ lệ %	
			KH thị xã giao	KH HĐND phường giao		Lũy kế từ khởi công đến kỳ báo cáo	giải ngân năm 2023			Tổng	Vốn NS phường	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao
							Tổng cộng	Vốn NS phường	Vốn NS cấp trên hỗ trợ				
1	2	3	5	6	7	9	10	11	12				
1	Nhà lớp học 2 tầng trường tiểu học Dị Sử	6.754.769		760.769	6.754.769	5.641.312	647.312	647.312		113.457	113.457		85%
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ mằm non TDP Tháp đi ao hồ TDP Rừng	3.214.832		714.832	2.000.000	2.000.000	-			714.832	714.832		
3	HTKT khu dân cư - HM đường vào khu dân cư mới	7.341.582		1.000.000	3.608.910	2.508.910	900.000	900.000		100.000	100.000		
4	HTKT khu dân cư mới thôn Trên xã Dị Sử	1.033.001		51.379	1.003.001	951.622	-			51.379	51.379		
5	Hành lang cầu và các hạng mục phụ trợ trường THCS	6.055.827		437.447	5.668.063	5.230.616	-			437.447	437.447		
6	Nhà văn hoá xã Dị Sử	6.017.724		299.873	5.950.290	5.650.417	-			299.873	299.873		
7	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá phường	1.130.407		146.141	1.070.650	924.509	-			146.141	146.141		
8	Đường và hệ thống thoát nước tuyến từ nhà ông Thịnh- Ô Tài	3.444.284		386.330	3.260.800	2.874.470	-			386.330	386.330		

9	San lấp bổ sung khu nhà quản trang mới phường Dị Sử	888.280		103.280	888.280	785.000	-			103.280	103.280		
10	Sửa chữa sơn trụ sở Đảng uỷ- HĐND-UBND và hệ thống điện nhà văn hoá	1.220.769		720.769	1.220.769	500.000	-			720.769	720.769		
11	Đường giao thông nghĩa trang Dị Sử từ QL5 đến cầu chùa Vang	1.078.689		129.615	1.018.595	888.980	-			129.615	129.615		
12	Cống hộp thoát nước nhà quản trang Dị Sử thuộc địa phận TDP Nhân Vinh từ trạm điện đi cầu chùa Vang	1.179.162		135.000	1.113.451	978.451	-			135.000	135.000		
13	Cải tạo rãnh thoát nước TDP Trại và TDP Thợ	943.878		101.757	891.259	789.502	-			101.757	101.757		
14	Cải tạo nhà văn hoá TDP Thợ Dị Sử	1.060.563		129.161	1.001.919	872.758	-			129.161	129.161		
15	Cải tạo nâng cấp đường GTNT phường Dị Sử	1.773.521		500.000	1.661.959	500.000	-			500.000	500.000		
16	Cải tạo, nâng cấp đường từ bưu điện Thửa -Cầu TDP Rừng	1.138.437		142.496	1.138.437	995.941	-			142.496	142.496		
17	Cải tạo nhà văn hoá TDP Thấp, phường Dị Sử	606.669		27.860	606.669	578.809	-			27.860	27.860		
18	Cải tạo nâng cấp đường vào nghĩa trang và nhà quản trang TDP Phan Bội	891		500.000	891					500.000	500.000		
20	Đầu tư nội thất nhà văn hoá phường Dị Sử	2.127.459		500.000	2.127.459					500.000	500.000		
21	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường TDP Rừng và TDP Thấp	1.219.728		500.000	1.219.728					500.000	500.000		

22	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Dị Sử (Đoạn từ đường đi trực Cẩm Xá đến nhà ông Thích)	10.391.623		591.623	10.391.623	7.500.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.321.832	1.321.832		254%
23	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Dị Sử (Đoạn từ nhà ô Hào - Ô Quý và đoạn từ Ao Quán đến ĐH 33 TDP Nhân Vinh)	14.128.101		1.000.000	6.973.438	6.400.000	3.400.000	1.300.000	2.100.000	1.056.771	1.056.771		
24	Cải tạo nâng cấp đường giao thông TDP Bưởi	1.839.726					-			800.000	800.000		
25	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND, nhà văn hoá phường	922.000								922.000	922.000		
	Tổng cộng	75.511.922	-	8.878.332	59.570.960	46.571.297	6.447.312	3.847.312	2.600.000	9.840.000	9.840.000	-	339%